ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 9793 /SXD-QLHĐ&VLXD V/v công bố bổ sung lần 1 giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ trên địa bàn thành phố Đồng Nai tháng 11 năm 2026.	*Đồng Nai, ngày 24 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã trên địa bàn thành phố.

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của UBND thành phố về việc ủy quyền cho Sở Xây dựng công bố các thông tin về giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai và chỉ số giá xây dựng theo quy định.

I. Công bố bổ sung lần 1 giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ trên địa bàn thành phố Đồng Nai tháng 11 năm 2026:

Làm cơ sở để chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo trong việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Giá công bố là giá bán tại mỏ (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng), chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, giảm giá, hoa hồng... (nếu có) của tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; không có giá trị dùng để thanh toán, quyết toán (việc thanh toán, quyết toán chi phí phải thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành).

Công bố giá vật liệu xây dựng tại mỏ bao gồm: Bảng tổng hợp giá bán vật liệu xây dựng tại các mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng (đá xây dựng, cát xây dựng, đất san lấp...) trên địa bàn thành phố Đồng Nai: Căn cứ văn bản báo giá, kê khai giá, công bố giá của các tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố gửi về Sở Xây dựng.

Nội dung bổ sung, điều chỉnh so với công bố giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ tháng 11 năm 2026 (Công văn số 9265/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 10/11/2026 của Sở Xây dựng):

Sau khi Sở Xây dựng công bố giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ tháng 11 năm 2026, có 05 tổ chức gửi văn bản kê khai giá, báo giá bổ sung, điều chỉnh. Nội dung bổ sung, điều chỉnh được tổng hợp tại bảng sau (đơn giá chưa bao gồm thuế VAT, đơn vị: đồng):

Số 38 Phan Chu Trinh, phường Trấn Biên, thành phố Đồng Nai; website:http://sxd.dongnai.gov.vn
Số Điện thoại: (0251)3846268

TT	Tên vật liệu xây dựng	ĐVT	Giá đã công bố	Giá bổ sung, điều chỉnh	Mức tăng (+)/ giảm (-)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1. Mỏ đá Thiện Tân 5 – giá bán tại mỏ (Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai) – *Văn bản số 195/DNC-KH ngày 19/11/2026; áp dụng từ ngày 01/11/2026. Giá giao xuống xà lan tại Cảng Xuân Đào giữ nguyên.*							
1	Đá 1x1	tấn	-	220.000	-	-	Bổ sung mới
2	Đá 1x1 ly tâm	tấn	-	225.455	-	-	Bổ sung mới
3	Đá 1x2	tấn	-	198.182	-	-	Bổ sung mới
4	Đá 1x2 ly tâm	tấn	-	209.091	-	-	Bổ sung mới
5	Đá 4x6	tấn	-	163.636	-	-	Bổ sung mới
6	Đá Dmax 25	tấn	-	139.091	-	-	Bổ sung mới
7	Đá Dmax 37,5	tấn	-	139.091	-	-	Bổ sung mới
8	Mi bụi	tấn	-	125.000	-	-	Bổ sung mới
9	Mi sàng	tấn	-	150.000	-	-	Bổ sung mới
10	Cát nghiền	tấn	-	154.545	-	-	Bổ sung mới
11	Đá phong hóa	tấn	-	90.909	-	-	Bổ sung mới
12	Đất san lấp	tấn	-	54.545	-	-	Bổ sung mới
2. Mỏ đá Tân Cang 5 (Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai) – *Văn bản số 196/DNC-KH ngày 19/11/2026; áp dụng từ ngày 01/11/2026.*							
13	Đá 1x1	tấn	-	233.636	-	-	Bổ sung mới
14	Đá 1x2	tấn	-	224.545	-	-	Bổ sung mới
15	Cát nghiền	tấn	-	209.091	-	-	Bổ sung mới
16	Đá mi sàng	tấn	-	186.364	-	-	Bổ sung mới
17	Đá 4x6	tấn	-	165.455	-	-	Bổ sung mới
18	Đá Dmax 25	tấn	-	152.727	-	-	Bổ sung mới
19	Đá Dmax 37,5	tấn	-	128.182	-	-	Bổ sung mới
20	Đá mi bụi	tấn	-	121.818	-	-	Bổ sung mới
3. Mỏ đá Ấp Miễu (Chi nhánh Công ty CP Xây dựng CTGT 610 tại Phước Tân) – *Bảng thông báo giá ngày 10/11/2026; áp dụng từ ngày 10/11/2026.*							
21	Đá 1x2	tấn	186.000	196.000	+10.000	+5,4	Điều chỉnh
22	Đá mi sàng	tấn	146.000	156.000	+10.000	+6,8	Điều chỉnh
23	Đá mi bụi	tấn	128.000	138.000	+10.000	+7,8	Điều chỉnh
24	CPĐD loại 1 Dmax25	tấn	160.000	170.000	+10.000	+6,3	Điều chỉnh
25	CPĐD loại 2 Dmax37,5	tấn	148.000	158.000	+10.000	+6,8	Điều chỉnh
26	Đá 20x40	tấn	180.000	190.000	+10.000	+5,6	Điều chỉnh
27	Đá 0x37,5	tấn	116.000	126.000	+10.000	+8,6	Điều chỉnh
28	Đất san lấp	tấn	50.000	60.000	+10.000	+20,0	Điều chỉnh
29	Đá 5x20	tấn	-	205.000	-	-	Bổ sung mới
30	Đá 1x2 L2	tấn	-	170.000	-	-	Bổ sung mới
31	Đá mi sàng L2	tấn	-	130.000	-	-	Bổ sung mới
32	Đá mi bụi L2	tấn	-	112.000	-	-	Bổ sung mới
33	Đá 0x4 V	tấn	-	105.000	-	-	Bổ sung mới
34	Đá 1x1	tấn	195.000	-	-	-	Không còn báo giá
4. Mỏ đá Tân Cang 7, 9 (Hợp tác xã An Phát) – *Thông báo số 190/2026/AP-TB ngày 07/11/2026; đá 0x4 hỗn hợp áp dụng từ ngày 10/11/2026, phong hóa nổ mìn áp dụng từ ngày 12/11/2026; các mặt hàng khác giữ nguyên giá.*							

TT	Tên vật liệu xây dựng	ĐVT	Giá đã công bố	Giá bổ sung, điều chỉnh	Mức tăng (+)/ giảm (-)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
35	Đá 0x4 hỗn hợp	tấn	-	162.500	-	-	Bổ sung mới
36	Phong hóa nổ mìn	m3	-	72.000	-	-	Bổ sung mới
5. Mỏ đá Soklu 4 (Công ty CP Đông Mê Kông - Sóc Lu) – *Văn bản số 16-11/DMK-BG ngày 16/11/2026; đá thông thường giữ nguyên giá; đá chất lượng cao (VC) sản xuất theo đơn đặt hàng, áp dụng từ ngày 02/7/2026.*							
37	Đá 1x2 (VC)	tấn	-	230.000	-	-	Bổ sung mới
38	Đá 0x4 (VC)	tấn	-	137.273	-	-	Bổ sung mới
39	Đá mi sàng (VC)	tấn	-	202.000	-	-	Bổ sung mới
40	Đá mi bụi (VC)	tấn	-	158.182	-	-	Bổ sung mới
41	Đá 4x6 (VC)	tấn	-	186.364	-	-	Bổ sung mới
6. Mỏ đá Tân Cang 2 (Công ty CP Tân Cang) – *Văn bản số 80/2026/CBG-TC ngày 16/11/2026 và Văn bản số 83/2026/CV-TC ngày 20/11/2026 (đính chính); áp dụng từ ngày 16/11/2026; giá chưa bao gồm chi phí bốc xúc lên phương tiện vận chuyển.*							
42	Đá phong hóa (nổ mìn)	tấn	-	128.700	-	-	Bổ sung mới
43	Đá nguyên liệu (đá hộc nổ mìn)	tấn	-	143.000	-	-	Bổ sung mới

Các nội dung khác giữ nguyên theo công bố giá bán vật liệu xây dựng tại mỏ tháng 11 năm 2026 của Sở Xây dựng.

II. Một số nội dung cụ thể:

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng căn cứ các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hướng dẫn của các Sở chuyên ngành, địa điểm xây dựng công trình, địa điểm khai thác, cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý với yêu cầu đặc thù của công trình và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

2. Đối với một số loại vật liệu trong từng thời điểm có biến động lớn (tăng và giảm), thay đổi liên tục trong thời gian ngắn (từng ngày): Chủ đầu tư cần chủ động cập nhật giá vật liệu phù hợp với giá thị trường theo đúng các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tiến độ thi công công trình và kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng.

3. Đối với vật liệu phục vụ san lấp: Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng vật liệu khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình.

4. Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đưa vào sử dụng cho các công trình phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng hàng hóa theo quy định.

5. Thông tin giá vật liệu xây dựng tại mỏ phải từ tổ chức, cá nhân khai thác, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng có giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp, chủ đầu tư được thuê tổ chức thẩm định giá có năng lực, kinh nghiệm để xác định giá cho dự án, công trình theo quy định của pháp luật về giá.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động về giá và nguồn cung đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và các tổ chức có liên quan gửi ý kiến bằng

văn bản về Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai (phòng Quản lý Hoạt động và Vật liệu xây dựng) để được xem xét, hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Sở (đăng lên trang website SXD);
- Lưu: VT, QLHĐ&VLXD (nam.dt).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Đỗ Thành Phương